

Đường Lên Yên Tử

Bài của Hương Cao

Núi Yên tử với độ cao 1.068m, nằm trong dãy núi Đông triều, vùng đông bắc Việt nam, thuộc xã Thượng yên công, thị xã Uông bí, tỉnh Quảng ninh, cách Hà nội hơn 120 km đường xe chạy.

Kể từ khi vua Trần Nhân Tông từ bỏ ngai vàng, khoác áo nâu sòng, thành lập một dòng Thiền Việt nam: Thiền Trúc Lâm, Yên tử trở thành trung tâm Phật giáo của Việt nam. Vua Nhân Tông là vị tổ thứ nhất của dòng Thiền Trúc Lâm Yên tử. Vua cho xây dựng nhiều chùa tháp trên núi Yên tử để làm nơi tu hành, giảng đạo.



Vì vậy, Yên tử không chỉ là một thắng cảnh thiên nhiên của Việt nam, nơi đây còn lưu giữ hình ảnh của một vị vua nhân từ đức độ, vị vua mà tên tuổi gắn liền với lịch sử chống ngoại xâm hào hùng của dân tộc Việt Nam, là người đầu tiên hỏi ý dân với Hội nghị Diên Hồng, một hội nghị mà không một người dân Việt nào không cảm thấy hãnh diện, tự hào khi nhắc đến.

Theo Đại Việt Sử ký Toàn thư: “Vua Nhân Tông tên húy là Khâm, con trưởng của Thánh Tông, mẹ là Nguyên Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu, sinh năm Mậu Ngọ, Nguyên Phong năm thứ 8, tháng 11, ngày 11, được tỉnh anh thánh nhân, thuần túy đạo mạo, sắc thái như vàng, thể chất hoàn hảo, thần khí tươi sáng. Hai cung đều cho là lạ, gọi là Kim Tiên đồng tử. Trên vai bên trái có nốt ruồi đen, cho nên có thể cảng đáng được việc lớn, ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51

tuổi, băng ở am Ngọa vân núi Yên tử, đưa về táng ở Đức Lăng. Vua nhân từ hòa nhã, cố kết lòng dân, sự nghiệp trù hưng sáng ngời thuở trước, thực là bậc vua hiền của nhà Trần. Song để tâm nơi kinh Phật, tuy nói là để siêu thoát, nhưng đó không phải là đạo trung dung của thánh nhân.”

Trước khi sống đời sống của một thiền sư hạc nội mây ngàn, làm bạn với chim muông cây cỏ trong chốn nước nhөр non bồng, Trần Nhân Tông là một vị vua anh minh, đức độ, thương dân như con đờ.

Trong thời kỳ vua Nhân Tông trị vì, hai lần quân Nguyên sang dày xéo, xâm chiếm nước Nam, cả hai lần đều bị quân dân nước Việt đánh bại thê thảm. Với Hội nghị Diên Hồng, đoàn kết được lực lượng của toàn dân, tạo sức mạnh vững chắc cho cuộc chiến chống ngoại xâm, trận Bạch Đằng lầy lừng, nơi chôn xác quân xâm lăng phương Bắc, đã đưa tên tuổi vua Nhân Tông gắn liền với truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc Việt nam.

Khi đất nước đã hòa bình, nhân dân có cuộc sống no ấm, hạnh phúc, mùa xuân ngày mừng 9 tháng 3 năm Quý Tỵ (1293), vua Trần Nhân Tông trao quyền lại cho con là Trần Anh Tông và sau đó quyết định xuất gia.

Từ một vị vua quyền thế tốt cùng, thần nhiên buông bỏ tất cả, khoác lên chiếc áo nâu sòng, ngày ăn cơm rau, đêm ngủ giường cỏ mà cư trần lạc đạo, chính phong thái sống này của vua Nhân Tông khiến cho hậu nhân phải noi gương.

Tuy xuất gia, bước chân vào cửa Phật nhưng vua vẫn không rời bỏ vị thế con dân của một nước, ngài vẫn giúp đỡ, góp ý với vua Anh Tông trong việc trị quốc, hết lòng vì dân vì nước nhưng vẫn nắm chắc mỗi đạo, sáng lập nên môn phái Trúc Lâm Yên tử, một trong những dòng Thiền tại Việt nam, mà vị tổ sáng lập là người Việt.

Trước dòng Thiền Trúc Lâm Yên tử, Việt nam có 3 dòng Thiền khác, người sáng lập đều từ phương Bắc qua.

Dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi: tổ sáng lập là thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruchi).

Sư là người miền Nam Ấn độ, thuộc dòng Bà la môn. Được tâm ấn và lời dẫn dò của tổ Tăng Xáng phải qua phương Nam hoằng pháp, ngài đến Quảng châu (Nam Trung hoa), ở lại nơi đây 6 năm. Sau đó ngài sang Việt nam, trụ trì tại chùa Pháp Vân (Hà đông). Ngài thị tịch năm 602, truyền thừa lại cho đệ tử là Pháp Hiền. Pháp Hiền là đời thứ nhất của dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi.

Đời cuối của dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi là thiền sư Y Sơn (1213).

Dòng thiền Vô Ngôn Thông: tổ sáng lập là thiền sư Vô Ngôn Thông.

Sư họ Trịnh, quê ở Quảng châu. Tánh sư điềm đạm ít nói, thông minh, nên người thời đó gọi là Vô Ngôn Thông.

Dòng Vô Ngôn Thông truyền thừa đến đời thứ 14 là Thiền sư Hiện Quang (1221). Đến cư sĩ Ứng Vương đời thứ 15 (không biết năm sanh và năm mất) là đời cuối cùng.

Dòng thiền Thảo Đường: tổ sáng lập là thiền sư Thảo Đường.

Sư là người Trung hoa, đệ tử của của thiền sư Trùng Hiền ở Tuyết đầu. Không rõ lý do gì sư sang Chiêm thành. Năm Kỷ Dậu (1069), vua Lý Thánh Tôn đem binh sang đánh Chiêm thành, bắt được vua Chế Củ và một số tù binh, trong số tù binh đó có sư Thảo Đường. Một vị tăng phát hiện ra sự thông hiểu Phật pháp của sư, tâu lên vua Lý Thánh Tôn. Vua cho vời vào triều, đem kinh, luận và thiền ra hỏi sư, sư ứng đối trôi chảy. Cảm phục sự uyên bác của sư, vua phong sư làm quốc sư, mời sư đến ở chùa Khai Quốc trong thành Thăng Long. Vì vậy Thảo Đường trở thành dòng thiền thứ ba của Việt nam.

Dòng thiền Thảo Đường chỉ truyền xuống 5 đời thì không còn truyền thừa. Đời thứ 5 có Lý Cao Tôn (1176 1210). Như vậy ta có thể đoán dòng thiền này chỉ tồn tại cho đến khoảng hơn năm 1210 là không còn nữa.

Năm Quý Ty (1293), vua Nhân Tông truyền ngôi cho Anh Tông. Như vậy vua xuất gia sau năm 1293 (có thể là 94 hay 95 hay 96 ???) Và 3 dòng thiền trước, người thừa kế cuối cùng, tất cả đều trước ngày vua Trần Nhân Tông thành lập dòng Thiền Trúc Lâm Yên tử.

Kiểm qua các dòng Thiền Việt nam, ta thấy ba dòng Thiền trước đều do người nước ngoài là tổ

sáng lập. Duy chỉ vua Trần Nhân Tông là người Việt sáng lập nên dòng Thiền Trúc Lâm Yên tử.



Cũng từ đây, các dòng Thiền kia coi như giải thể và sáp nhập vào dòng Thiền Trúc Lâm để tạo thành một dòng Thiền thống nhất cho đến khi nhà Minh sang xâm chiếm nước ta (1414 1427). Nhà Minh sửa sang lại tất cả các việc trong nước để đồng hóa dân ta với người Tàu. Họ lập

ra đền miếu, bắt người nước ta cúng tế theo tục Tàu. Từ cách ăn mặc cho đến học hành cũng phải theo như người Tàu. Sách vở của nước ta tất cả đều bị thu nhặt đem về Tàu. Và vì vậy kinh sách cũng theo số phận này trôi về Tàu. Thiền Trúc Lâm cũng suy yếu từ đó.

Đạo Phật không phải là đạo xuất thế mà là đạo nhập thế, điều này thể hiện thật rõ ràng trong đời sống của vua Nhân Tông. Đối với quốc gia, vua không một ngày xao lãng. Với dân, vua thương yêu, lo lắng, vỗ về chăm sóc. Khi đất nước lâm nguy, xả thân không tiếc để giữ gìn biên cương lãnh thổ. Phải giữ gìn từng tấc đất của tiền nhân để lại, đó là di huấn của ngài:

"Các người chớ quên, chính nước lớn mới làm những điều bậy bạ, trái đạo. Vì rằng họ cho mình cái quyền nói một đường làm một nẻo. Cho nên cái họa lâu đời của ta là họa Trung hoa. Chớ coi thường chuyện vụn vặt xảy ra trên biên ải. Các việc trên, khiến ta nghĩ tới chuyện khác lớn hơn. Tức là họ không tôn trọng biên giới qui ước. Cứ luôn luôn đặt ra những cái cớ để tranh chấp. Không thôn tính được ta, thì gặm nhấm ta. Họ gặm nhấm đất đai của ta, lâu dần họ sẽ biến giang san của ta từ cái tổ đại bàng thành cái tổ chim chích. Vậy nên các người phải nhớ lời ta dặn: 'Một tấc đất của tiền nhân để lại, cũng không được để lọt vào tay kẻ khác.' Ta cũng để lời nhắn nhủ đó như một lời di chúc cho muôn đời con cháu."

Ngày mùng một, tháng 11, năm Mậu Thân (1308), nửa đêm, giờ Tý, ở am Ngọa vân, núi Yên

tử, vua lặng lẽ rời cõi thế. Ngài ra đi trong sự buồn thương đau xót của toàn dân Đại Việt.

Ngày nay, nhìn đất nước nghiêng ngả, từng mảnh đất bị mất dần, từng dãy đảo bị nuốt dần, không một người con dân đất Việt nào không đau lòng. Lời dạy vàng ngọc của vị vua nhân ái, anh minh được con cháu thiết tha nhắc đến. Trần Bạch Đằng, Hội nghị Diên Hồng lại hiện ra rục rờ trong lòng người dân yêu nước. Đường lên Yên tử tuy xa vạn dặm nhưng cũng gần trong tầm với. Bằng tấm lòng chân thành, những người Phật tử hôm nay không chùn bước trước những gian nan nguy khó, nhìn gương tiền nhân, bước theo mà lòng không nao núng. Cổ noi gương tiền nhân làm những việc mình phải làm. Gắng thực hành con đường mà vua Trần Nhân Tông xưa đã làm: *Đưa đạo vào đời, hòa đời với đạo*. Thực hành con đường Trung đạo mà đức Phật đã dạy:

“Trung đạo theo nghĩa Phật dạy, phải hiện diện trong cả hai (đạo và đời), nhưng phải vượt lên trên cả hai. Tuy nằm trong đời để giúp đời, nhưng đạo không nhiễm mùi xú uế của đời. Tuy nằm trong đạo, được đạo xông ướp hương thơm của đạo, nhưng đời vẫn giữ y nguyên sức sống năng động đa dạng của mình. Có như thế thì đạo mới không trở nên khô cằn như lá úa cành khô, và đời mới trở nên

tươi vui đáng sống. Nói tắt một lời cho dễ nhớ là: Trung đạo là cái đạo có mặt trong cả đạo lẫn đời, tương thông giữa hai bên, nhưng vượt lên trên cả hai, và không bị riêng bên nào chi phối.”

Tin rằng mùa xuân sẽ trở về trên giải đất hình cong chữ S như một sáng mai thức giấc, mở tung cửa sổ, chợt thấy mùa xuân đã trở về :

XUÂN HIỂU

*Thụy khởi khai song phi,
Bất tri xuân dĩ quy.
Nhất song bạch hồ điệp,
Phách phách sấn hoa phi* (Trần Nhân Tông)

Dịch nghĩa: BUỔI SỚM MÙA XUÂN

*Ngủ dậy mở cánh cửa sổ,
Không ngờ mùa xuân đã về.
Một đôi bướm trắng,
Phấn phật cánh, bay đến với hoa.*

Dịch thơ:

*Ngủ dậy, mở cửa sổ,
À, xuân về rồi đây!
Kìa một đôi bướm trắng,
Nhắm hoa, phơi phới bay.* (Trần Lê Văn)

Hương Cao (15 03 2009)